TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2024/HC-PT
Ngày 22/7/2024.
V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tào
ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: ông Đinh văn Chánh, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 97/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1378/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Đ - sinh năm 1964;

Địa chỉ: tổ A, khối phố X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Trần Ngọc V – Luật sư của Công ty L - S - Nguyễn; địa chỉ: số E (tầng A) đường L, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ: số 70 đường Hùng Vương, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh N - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T. Có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Trương Công T - Phó Giám đốc Ban Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng thành phố T. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Đinh Hữu T1 - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Trần Thanh T2 - Công chức Địa chính - Xây dựng Ủy ban nhân dân phường T. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị C - sinh năm 1948.

- Ông Nguyễn Văn M - sinh năm 1962.

- Bà Huỳnh Thị T3 - sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: tổ A, khối X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T4 - sinh năm 1982.

Địa chỉ: số I đường P, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T5 - sinh năm 1975.

Địa chỉ: đường N, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T6 - sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T7 - sinh năm 1988.

Địa chỉ: khối phố B, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Ông Huỳnh Viết T8 - sinh năm 1965.

- Ông Huỳnh Viết T9 - sinh năm 1996.

- Ông Huỳnh Viết T10 - sinh năm 2000.

- Bà Huỳnh Thị Minh T11 - sinh năm 2004.

Cùng địa chỉ: tổ A, khối phố X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 22/01/2022, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông* Nguyễn Đ *trình bày:*

Cha mẹ ông là ông Nguyễn C (chết 1998) và bà Trần Thị D (chết 2009), sinh ra 05 người con: Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn C1 (chết 2017), Nguyễn Văn M1, Nguyễn Đ và Nguyễn Thị C2 (chết 2006). Ông Nguyễn Văn C1 (chết 2017) có vợ là bà Huỳnh Thị T3, sinh ra 04 người con là: Nguyễn Văn T5, Nguyễn Thị T6, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T7. Bà Nguyễn Thị C2 (chết 2006) có chồng là Huỳnh Viết T8, sinh ra 03 người con là: Huỳnh Viết T9, Huỳnh Viết T10, Huỳnh Thị Minh T11.

Lúc còn sống, cha mẹ ông có một ngôi nhà trên diện tích 1.195,5m^2 tại khối phố X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Cha ông đăng ký hồ sơ 299/TTg ngày 27/8/1985 là 996m^2 (gồm 500m^2 đất ở và 496m^2 đất màu) và nhận đất chuyển nhượng của vợ chồng ông Huỳnh K và bà Huỳnh Thị X (có địa phương xác nhận ngày 11/08/1991) là 199,5m^2. Trước khi cha mẹ ông qua đời đã viết giấy giao cho ông quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất nêu trên, có sự xác nhận đồng ý của toàn bộ anh chị em trong gia đình.

Trước năm 1992, gia đình ông làm một nhà xưởng sát mép đường nhựa 616 (nay là đường L), lúc đó đường nhựa rộng không quá 4m, sau đó chính quyền địa phương phường T thực hiện Chỉ thị 135 mở rộng lòng, lề đường cho thông thoáng nên đã vận động nhân dân giao đất để làm đường, gia đình ông đã tiên phong giao đất để Nhà nước làm đường, còn nhà xưởng thì bị lực lượng xã tháo dỡ, tại thời điểm này Nhà nước không đền bù khoản tiền nào. Trong quá trình sử dụng đất, các hộ khác tự ý lấn ra lại hành lang đường, còn gia đình ông vẫn giữ nguyên. Năm 2000, địa phương Trường X1 thực hiện tổ chức đo đạt đất đai theo hiện trạng nên đất vườn ở gia đình ông bị giảm diện tích là 177,1m^2 so với đăng ký ban đầu.

Năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố T triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: duy tu, cải tạo đường L tại phường T, thành phố T, thu hồi và đền bù đất cho các hộ liền kề mà không thực hiện việc thu hồi và đền bù đất cho gia đình ông, chỉ bồi thường tài sản trên đất.

Ngày 04/6/2021, ông nhận được thông báo số 31/TB-UBND, ngày 04/6/2021 của UBND phường T đề nghị ông giao trả mặt bằng dọc đường L (phía trước đất vườn nhà ở của gia đình ông) cho đơn vị thi công để nâng cấp tu sửa đường L, kèm theo Quyết định số 6749/2020/ QĐ - UBND ngày 09/12/2020 của U về "Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Đ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: duy tu, cải tạo đường L tại phường T, thành phố T" nhưng không bồi thường đất đai cho gia đình ông. Diện tích Nhà nước làm đường lấy của gia đình ông mà không bồi thường, có tứ cận phía Nam giáp đường L, phía Bắc giáp diện tích đất còn lại chưa thu hồi của gia đình ông, phía Đông giáp đường đất, phía Tây giáp đất tranh chấp với ông K1, diện tích (theo thẩm định của Tòa án) là 75,2m^2.

Do đó, ông Nguyễn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 6749/QĐ/UBND ngày 9/12/2020 của UBND thành phố T về việc: bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Đ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: "Duy tu cải tạo đường L tại phường T thành phố T".

- Buộc UBND thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất đối với gia đình ông (ông là người đại diện) với diện tích 75,2m^2, theo đúng qui định của pháp luật.

** Tại văn bản nêu ý kiến của người bị kiện* Ủy ban nhân dân thành phố T *trình bày:*

Ngày 31/10/2018, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 6472/QĐ-UBND phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình duy tu, cải tạo đường L tại phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Theo hồ sơ đo đạc, chỉnh lý biến động phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (GPMB) dự án đầu tư xây dựng công trình: "Duy tu, cải tạo đường L tại phường T, thành phố T", tại tờ bản đồ số 52 và 53 của dự án, được chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T phê duyệt ngày 29/11/2019 thì ranh giới thửa đất của hộ ông Nguyễn Đ nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng việc thu hồi đất của dự án.

Biên bản kê khai kiểm đếm hiện trạng ngày 11/8/2020, hộ ông Đ thống nhất số lượng và khối lượng vật kiến trúc, cây cối hiện trạng dự án và ký biên bản.

Hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thể hiện: hồ sơ 299/TTg đo đạc năm 1985, phê duyệt năm 1989: ông Nguyễn C là cha ruột ông Nguyễn Đ đăng ký thửa 380A, tờ bản số 4, diện tích 500m^2 (T); thửa 69A, tờ bản đồ số 4, diện tích 350m^2, loại đất (ĐM%) và diện tích 146m^2, loại đất (ĐM), tổng cộng 996m^2. Hồ sơ đăng ký theo Nghị định 60/NĐ/CP đo đạc năm 2000 đăng ký gồm 02 thửa: thửa đất số 48, tờ bản đồ 25, diện tích 257m^2, do bà Huỳnh Thị Đ1 đứng tên trong Sổ mục kê; thửa đất số 47, tờ bản đồ 25, diện tích 761,4m^2 do ông Huỳnh Văn T12 đứng tên trong Sổ mục kê. Tổng diện tích 02 thửa: 1.018,4m^2. Tuy nhiên, việc bà Huỳnh Thị Đ1 và ông Huỳnh Văn T12 đứng tên trên các thửa đất trên là có sự sai sót, nhầm lẫn của cán bộ địa chính lúc bấy giờ, thực chất 02 thửa đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của ông C, bà D.

Hồ sơ đăng ký theo cơ sở dữ liệu địa chính được đo đạc năm 2012: ông Nguyễn Đ là người đứng tên kê khai, đăng ký sử dụng, quản lý thửa đất số 23, tờ bản đồ 53, diện tích 882,9m^2 (tại trang số 128, quyển số 02, Sổ mục kê, được Sở T15 duyệt ngày 16/11/2015). Hiện tại thửa đất trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Biên bản họp giải quyết vướng mắc công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng công trình duy tu, cải tạo đường L và Báo cáo số 168/BQL ngày 26/3/2020 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố T đề xuất bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với vật kiến trúc, cây cối... nằm trong phạm vi dự án nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất.

Văn bản số 684/UBND ngày 24/4/2020 của UBND thành phố T thống nhất các chủ trương đề xuất tại báo cáo số 168/BQL ngày 26/3/2020 của Ban Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng thành phố T.

Ngày 19/11/2020, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 6367/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện công trình: duy tu, cải tạo đường L tại phường T, thành phố T đợt 4.

Ngày 09/12/2020, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 6749/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Đ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: duy tu, cải tạo đường L tại phường T, thành phố T.

Hộ ông Nguyễn Đ (mặt tiền đường L) là một trong những hộ bị ảnh hưởng để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình: duy tu, cải tạo đường L tại phường T, thành phố T, có bồi thường, hỗ trợ để giải phóng mặt bằng đối với cây cối và vật kiến trúc, không có bị ảnh hưởng đến thu hồi đất.

Do đó, việc hộ ông Nguyễn Đ yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 6749/QĐ/UBND ngày 9/12/2020 của UBND thành phố T và buộc UBND thành phố T ban hành quyết định thu hồi và bồi thường về đất là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà* Nguyễn Thị C*, ông* Nguyễn Văn M1*, bà* Huỳnh Thị T3*, bà* Nguyễn Thị T4*, ông* Nguyễn Văn T5*, bà* Nguyễn Thị T6*, bà* Nguyễn Thị T7*, ông* Huỳnh Viết T8*, ông* Huỳnh Viết T9*, ông* Huỳnh Viết T10*, bà* Huỳnh Thị Minh T11 *thống nhất trình bày:*

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý vụ án số 38/TLST-HC ngày 30/3/2022, người khởi kiện là ông Nguyễn Đ, người bị kiện là UBND thành phố T. Tòa án cho rằng các ông bà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng trước đây ông bà, cha mẹ gia đình các ông bà đã thống nhất chuyển giao tài sản vào ngày 22/02/1992 và ngày 18/4/1994 được các cấp chính quyền xác nhận vào ngày 10/4/1992 và ngày 05/10/1994. Toàn bộ đất và tài sản có trên đất, ông Đ được trọn quyền sử dụng, có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Các ông bà đồng ký tên với lý do trên, các ông bà xin từ chối, không tham gia bất cứ phiên tòa nào khi có mời dự. Các ông bà xác nhận nội dung như trên là đúng để ông Đ có cơ sở giải quyết những vấn đề liên quan thuộc quyền sở hữu của ông Đ.

** Lời khai những người làm chứng: ông* Nguyễn Công T13 *(nguyên Phó Chủ tịch* UBND phường T, thành phố T *nhiệm kỳ 1990 - 1995; ở tại* khối phố X, Phường Trường Xuân - Tam kỳ -*; ông* Huỳnh Văn S1 *(nguyên là Tổ trưởng* tổ dân phố số F phường T, thành phố T *nhiệm kỳ 1992 - 1995, ở tại* khối phố X, phường T, T*); ông* Phạm Tấn T14 *(nguyên là Đội trưởng sản xuất số 6,* HTX T16, thành phố T *nhiệm kỳ 1992 - 1995, ở tại* khối phố X, phường T, T, Quảng Nam*) cùng xác nhận:*

Năm 1992, phường T thực hiện Chỉ thị 135 nới rộng lòng đường vỉa hè đường 616 (nay là đường L), đi từ T đến T, lấy đất của các hộ 2 bên đường nhưng không có khoản đền bù nào cho các hộ. Thời đó ông Nguyễn Công T13 phối hợp ông Huỳnh Văn S1 cùng ông Phạm Tấn T14 đưa lực lượng địa phương đến tháo dỡ một phần nhà xưởng trên đất ở của gia đình ông Nguyễn Đ, chiều ngang có cạnh 5m, nay vẫn còn hiện trạng, nhà xưởng ông Đ nằm sát mép đường nhựa, đường rộng không quá 4m, nay là đường L, đường L năm 2019 được lập dự án đền bù, thu hồi đất hộ 2 bên đường để nâng cấp mở rộng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 03/01/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 3; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015; Điều 75, 82 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đ về việc:

- Hủy Quyết định số 6749/QĐ/UBND ngày 09/12/2020 của UBND thành phố T về việc: bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Đ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: duy tu cải tạo đường L tại phường T, thành phố T;

- Buộc UBND thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất cho gia đình ông Nguyễn Đ với diện tích 75,2m^2 theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/01/2024, người khởi kiện ông Nguyễn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Nguyễn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Luật sư Trần Ngọc V cho rằng ông Nguyễn Đ là người có quyền sử dụng đất từ năm 1992, là người đóng tiền sử dụng đất nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đ, sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện ông Nguyễn Minh N - Phó Chủ tịch UBND thành phố T có đơn xin vắng mặt, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện - ông Trương Công T, ông Đinh Hữu T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trần Thanh T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đ với nội dung: đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc đất và hồ sơ địa chính qua các thời kỳ: theo hồ sơ 299/TTg đo đạc năm 1985, phê duyệt năm 1989 thì thửa đất số 380A, tờ bản đồ số 4, diện tích 500m^2 (T) số thứ tự 103, trang 30 và thửa đất số 69A, tờ bản đồ số 4, diện tích 350m^2 loại đất (ĐM%), 146m^2 loại đất (ĐM), tổng cộng 996m^2 toạ lạc tại khối phố X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam do ông Nguyễn C (là cha ông Nguyễn Đ) đăng ký kê khai, quản lý, sử dụng. Ngoài ra, ông C mua thêm 199,5m^2 đất của ông Huỳnh K và bà Huỳnh Thị X nâng tổng diện tích đất của ông C, bà D là 1.195,5m^2. Đo đạc năm 2000 theo Nghị định 60/NĐ-CP thành 02 thửa (thửa đất số 48, tờ bản đồ 25, diện tích 257m^2 và thửa đất số 47, tờ bản đồ 25, diện tích 761,4m^2) với diện tích tổng cộng là 1.018,4m^2 và phía người bị kiện khẳng định các thửa đất này thuộc quyền sử dụng của ông C, bà D. Như vậy, có cơ sở khẳng định 02 thửa đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của ông C, bà D. Theo số liệu hồ sơ 299 và hồ sơ 60, lời trình bày của ông Đ và xác nhận của ông Nguyễn T13, ông Huỳnh Văn S1, ông Phạm Tấn T14 thì năm 1992, Ủy ban nhân dân thị xã T thu hồi đất của các hộ dân hai bên đường F (nay là đường L) để mở rộng con đường này, hộ ông C, bà D bị thu hồi khoảng 177m^2 nhưng không được bồi thường. Tuy nhiên, thời điểm này bà D, ông C và ông Đ không có khiếu nại gì. Mặt khác, khi đăng ký kê khai và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002 bà D đã thừa nhận ranh giới, diện tích đất còn lại sau khi bị thu hồi làm đường năm 1992. Theo hồ sơ đăng ký cơ sở dữ liệu địa chính đo đạc năm 2012, được phê duyệt ngày 16/11/2015 thì ông Đ là người quản lý, sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 53, diện tích 882,9m^2 và hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Theo đồ án quy hoạch thì đường ĐT 616 được quy hoạch rộng 27,0m (tim đường ra mỗi bên 13,5m). Căn cứ hồ sơ đền bù năm 2020, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/3/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam và

mảnh trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 01-2023 ngày 28/4/2023 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q thì phần diện tích đất 75,2m^2 nằm trên đường L thuộc phần đất đã được thu hồi vào năm 1992 và nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng đến thu hồi đất của dự án. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố T không thu hồi, bồi thường đối với diện tích 75,2m^2 cho ông Nguyễn Đ là có cơ sở. Việc UBND thành phố T ban hành Quyết định số 6749/QĐ/UBND ngày 09/12/2020 về việc: bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Đ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: duy tu cải tạo đường L tại phường T, thành phố T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và có căn cứ. Do đó, ông Đ yêu cầu huỷ Quyết định số 6749 nói trên và buộc UBND thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất đối với diện tích 75,2m^2 là không được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy, Toà án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đ là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Đ, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông Nguyễn Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, ông Đ là người có công cách mạng, có đơn xin miễn án phí nên ông Đ không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đ và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 03/01/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng Điều 75, Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đ về việc:

- Hủy Quyết định số 6749/QĐ/UBND ngày 09/12/2020 của UBND thành phố T về việc: bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Đ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: duy tu cải tạo đường L tại phường T, thành phố T;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất cho gia đình ông Nguyễn Đ với diện tích 75,2m^2 theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Đ.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Đương sự; Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên